TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-09-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân: ông Châu Kim Ba và ông Muth So Ny.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên Tòa: bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 09 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp "xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1995; nơi cư trú: tổ G, khóm S, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Đặng Văn H, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ A, ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:

Về hôn nhân: bà Đ và ông Đặng Văn H tự chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã V, thị xã T ngày 07/07/2016. Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vã nhau; ông H không chí thú làm ăn, không quan tâm chăm lo gia đình, lại thường xuyên ăn nhậu về kiếm chuyện, dùng lời lẻ thô tục chửi mắn, đánh đập, cầm dao đe dọa đòi giết bà Đ; sống chung mà không có sự chia sẽ, cảm thông cho nhau, dẫn đến mâu thuẫn giữa bà Đ và ông

H càng trầm trọng, không khắc phục được và không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến ngày nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Đ được ly hôn đối với ông Đặng Văn H.

Về con chung: bà Đ và ông H có hai con chung tên Đặng Nguyễn Trúc L, sinh ngày 22/4/2016 và Đặng Nguyễn Trúc L1, sinh ngày 31/8/2020; khi ly hôn bà Đ yêu cầu nuôi con Đặng Nguyễn Trúc L1; nếu con Đặng Nguyễn Trúc L có nguyện vọng sống với bà Đ thì bà Đ nuôi dưỡng cả hai đứa con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn ông Đặng Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn bà Đ có mặt, bị đơn ông H vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 12/08/2023, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng nguyên đơn bà Đ có mặt, bị đơn ông H vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đ vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông H tiếp tục vắng mặt lần 2 và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:*

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn thì chưa thực hiện về quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về việc giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: bà Đ và ông H quen biết nhau được hai bên gia đình chấp nhận cho làm lễ cưới và có đăng ký kết hôn đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Xét về tình cảm lúc đầu, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông H thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc và chửi mắng, đánh đập vợ con. Bà Đ nhận thấy không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân này, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu xin được ly hôn với ông H. Quá trình Tòa án giải quyết ông H cũng không thể hiện ý kiến của mình. Vì vậy, yêu cầu của bà Đ là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: có 02 con chung và Đặng Nguyễn Trúc L, sinh ngày 22/4/2016 có nguyện vọng được sống cùng với mẹ và Đặng Nguyễn Trúc L1, sinh ngày 31/8/2020. Cháu L1 chưa đủ 7 tuổi cần có sự chăm sóc của mẹ (bà Đ) và tránh xáo trộn môi trường sống, nghĩ nên giao các cháu cho bà Đ chăm sóc nuôi dạy, ông H không phải cấp dưỡng, do bà Đ không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết;

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

Về con chung: Giao 02 cháu Đặng Nguyễn Trúc L và Đặng Nguyễn Trúc L1 cho bà Đ nuôi dưỡng và ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không đề xuất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn thị xã T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà Đ, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân được xác lập vào năm 2016, trong thời điểm Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật

Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông H được xác lập năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của nguyên đơn và xác minh tại địa phương thì hôn nhân của bà Đ và ông H có phát sinh mâu thuẫn và hai người đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn qua lại với nhau.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà Đ và ông H đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021 đến nay, do mâu thuẫn trong gia đình. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của bà Đ và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ khởi kiện xin ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về quan hệ con chung: bà Đ và ông H có hai con chung tên Đặng Nguyễn Trúc L, sinh ngày 22/4/2016 và Đặng Nguyễn Trúc L1, sinh ngày 31/8/2020, bà Đ yêu cầu nuôi con Đặng Nguyễn Trúc L1 và Đặng Nguyễn Trúc L (nếu L có nguyện vọng sống với bà Đ). Nhận thấy bà Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; để ổn định môi trường sống, học tập, vui chơi, giải trí của con chung, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1 và cháu L nguyện vọng muốn sống bà Đ là phù hợp với pháp luật quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên kia (người không trực tiếp nuôi) trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung; về quan hệ tài sản chung và nợ chung: bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chứng minh, nguyên đơn bà Đ khởi kiện và đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Đối với bị đơn ông H, trong quá trình tố tụng đã được Toà án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, triệu tập đến Toà án để giải quyết vụ việc nhưng ông H không đến không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan; không gửi ý kiến bằng văn bản và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án nhằm thể hiện sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình được quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem là từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét gì cho bị đơn.

[9] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn ông Đặng Văn H không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Hồng Đ được ly hôn với ông Đặng Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 07 tháng 07 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: giao con chung tên Đặng Nguyễn Trúc L, sinh ngày 22/4/2016 và Đặng Nguyễn Trúc L1, sinh ngày 31/8/2020 cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đặng Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dạy con chung;

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008976 ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên.

Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng.

Châu Nam Phú